TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quý Long.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Huy Điệu;
2. Bà Phạm Thị Tuẫn.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Hải Loan -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dươngtham gia phiên toà: Ông Nguyễn Quang Đại- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:134/2020/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 7 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/9/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2020/QĐST- HNGĐ, ngày 15/9/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1995; Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã Tr, huyện A, thành phố Hải Phòng

Bị đơn: Anh Đào Văn H, sinh năm 1991; Vắng mặt lần thứ hai.

Địa chỉ: Thôn 1, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – chị Lê Thị T trình bày: Chị và anh Đào Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Uỷ ban nhân dân (UBND) thị trấn K, huyện, tỉnh Hải Dương nơi chị và anh H chung sống thời điểm đó tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/9/1997. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống và phát triển kinh tế gia đình. Anh H thường xuyên chơi bời cờ bạc, không tu chí làm ăn, chị có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H không thay đổi. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn anh H.

Về quan hệ con chung: Chị và anh H có hai con chung là Đào Lê Đức P, sinh ngày 14/12/2012 và Đào Lê Minh H, sinh ngày 28/01/2015. Hiện nay chị vẫn tiếp

tục nuôi con chung là Đào Lê Minh H, anh H đang nuôi con chung là Đào Lê Đức P. Chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – anh Đào Văn H: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh H đến làm việc, tham gia phiên họp phiên tòa song anh đều vắng mặt không có lý do.

Chính quyền địa phương UBND xã V cung cấp: **Chị T** và anh H kết hôn với nhau hợp pháp vào ngày 02/5/2012, quá trình chung sống **chị T** và anh H xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xô sát, anh H thường chơi bời không để ý đến gia đình, **chị T** đã nhiều lần bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn Thúy Giang, xã Trường Thành, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, chính quyền thôn đã nhiều lần tổ chức hòa giải nhưng không thành. Do mâu thuẫn trầm trọng **chị T** đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ đầu năm 2015 đến nay, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay **chị T** khởi kiện xin ly hôn, giải quyết việc nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo đảm quyền lợi của hai bên đương sự. Vợ chồng chị T, anh H có hai con chung là Đào Lê Đức P, sinh ngày 14/12/2012 và Đào Lê Minh H, sinh ngày 28/01/2015, hiện nay chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng, anh H đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phúc. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật theo hướng giao cho mỗi bên nuôi dưỡng một con chung đảm bảo quyền lợi ích của các con chung.

Bà Đào Thị N là mẹ đẻ của anh Đào Văn H cung cấp: Trong thời gian chung sống chị T và anh H sống không có hạnh phúc. Chị T đã tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ ở huyện An Lão, thành phố Hải Phòng sinh sống từ năm 2015 đến nay, hai bên không quan tâm gì đến nhau. Gia đình rất mong muốn vợ chồng anh, chị đoàn tụ. Tuy nhiên, chị T cương quyết xin ly hôn thì gia đình cũng đồng ý và không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Vợ chồng chị T, anh H có hai con chung là Đào Lê Đức P, sinh ngày 14/12/2012 và Đào Lê Minh H, sinh ngày 28/01/2015. Nếu ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T nuôi dưỡng cháu Hoàng, anh H nuôi dưỡng cháu Phúc.

Tại phiên Tòa: Chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H; giao con chung là Đào Lê Minh H cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là Đào Lê Đức P cho anh H nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T; Xử cho chị Lê Thị T ly hôn anh Đào Văn H; giao con chung là Đào Lê Minh H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là Đào Lê Đức P cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không ai phải cấp dưỡng cho con; chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh H đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt không có lý do; chị T đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai song bị đơn-anh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại các điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị T và anh Đào Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương nơi anh, chị chung sống tại thời điểm đó tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp.

[3] Chị T khởi kiện xin ly hôn, anh H biết rõ việc chị T khởi kiện xin ly hôn, việc Tòa án triệu tập nhưng anh không đến làm việc, không bày tỏ quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù anh H không đến Tòa án làm việc, trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị T song tại lời khai của chị T, biên bản xác minh ngày 26/8/2020 UBND xã V và mẹ đẻ anh H là bà Đào Thị N đều xác định do vợ chồng mâu thuẫn, anh H thường xuyên chơi bời, không tu chí làm ăn. Vợ chồng ly thân đã lâu, không quan tâm đến nhau. Như vậy, chính anh H là người vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của chị T, Tòa án căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T ly hôn anh H.

[4] *Về quan hệ con chung*: Chị T và anh H có hai con chung là Đào Lê Đức P, sinh ngày 14/12/2012 và Đào Lê Minh H, sinh ngày 28/01/2015.Sau khi ly hôn, chị đề nghị giao con chung Đào Lê Minh H cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là Đào Lê Đức P cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho con; HĐXX thấy rằng, tại biên bản lấy lời khai của cháu Hoàng có nguyện vọng ở với chị T, cháu Phúc có nguyện vọng ở với anh H. Mặt khác, chị T chỉ có nguyện vọng nuôi cháu Hoàng; Căn cứ vào quy định của pháp luật, nguyện vọng, điều kiện của các bên, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, HĐXX giao con chung Đào Lê Minh H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Đào Lê Đức P cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng cho con.

[5] *Về quan hệ tài sản*: Do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị Lê Thị T khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về…án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T. Xử cho chị Lê Thị T ly hôn anh Đào Văn H.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đào Lê Minh H, sinh ngày 28/01/2015 cho đến khi đủ 18 tuổi; giao cho anh Đào Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đào Lê Đức P, sinh ngày 14/12/2012 cho đến khi đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng cho con.

Chị Lê Thị T và anh Đào Văn H đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0009257, ngày 08 tháng 7 năm 2020.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện ninh Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang;
- UBND thị trấn K, huyện B;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Bùi Quý Long